

Bản án số: 161/2021/HS-PT
Ngày 26 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Trọng P và Đào Minh T do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2016/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Trọng P, sinh năm: 1981, tại: Phú Yên; giới tính: Nam; trú tại: Số E, phường D, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là Phó Giám đốc Phòng giao dịch Quận 10 (trực thuộc VPBank - Chi nhánh Sài Gòn); con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Xuân L; có vợ và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

2/ Đào Minh T, sinh năm: 1987, tại: Hà Tĩnh; giới tính: Nam; trú tại: Số T, phường Đ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số D, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; con ông Đào Xuân K và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng P:* Luật sư Nguyễn Văn Bun – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và Luật sư Dương Văn Vũ – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Luật sư Bun có mặt, Luật sư Vũ vắng mặt).

2/ *Người bào chữa cho bị cáo Đào Minh T:* Luật sư Nguyễn Kim Dung – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T; sinh năm 1972; địa chỉ: A, số T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2/ Ông Đoàn Thế L, sinh năm 1950; (vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo và người tham gia tố tụng khác nhưng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Hữu V có quan hệ quen biết với Đoàn Thế D (con ông Đoàn Thế L và bà Nguyễn Thị H). Tháng 4/2012, D cho V biết là D đang nợ của nhiều người số tiền khoảng 10 tỷ đồng và bàn bạc với V là D sẽ lấy giấy tờ sở hữu nhà số A đường H, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (do cha mẹ ruột của D là ông Đoàn Thế L và bà Nguyễn Thị H đứng tên sở hữu) đưa V thế chấp vay tiền ngân hàng để trả nợ và sử dụng cá nhân. Thực hiện ý định này, D đã lén lấy giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hộ khẩu, giấy tờ sở hữu nhà số A đường H (bản chính) đưa cho V liên hệ ngân hàng làm thủ tục vay tiền. Để ông L và bà H không phát hiện, D tìm gặp Trương Văn Đ và Nguyễn Thị S (vợ của Đ) là người giúp việc cho gia đình D trước đây nhờ hai người này mạo danh ông L, bà H để làm hồ sơ tín dụng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn (sau đây viết tắt là: VPBank - Chi nhánh Sài Gòn). Theo yêu cầu của D, trong suốt quá trình liên hệ làm hồ sơ vay tiền tại VPBank - Chi nhánh Sài Gòn, Nguyễn Hữu V mạo danh là Đoàn Thế D (con ông L, bà H), Trương Văn Đ mạo danh ông Đoàn Thế L, Nguyễn Thị S mạo danh bà Nguyễn

Thị H ký Hợp đồng tín dụng vay VPBank - Chi nhánh Sài Gòn số tiền 4.000.000.000 đồng sau đó chiếm đoạt chia nhau, cụ thể:

Tháng 6/2012, Nguyễn Hữu V đến Phòng giao dịch Quận 10 (là đơn vị trực thuộc VPBank - Chi nhánh Sài Gòn) gặp Nguyễn Trọng P - Phó Giám đốc hỏi về thủ tục vay vốn. Lúc này, V không nói đúng tên thật của mình mà mạo nhận là Đoàn Thế D hỏi về mức vay và đưa ra thông tin tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là căn nhà số 49 đường 1107 Phạm Thế Hiển, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đoàn Thế L và bà Nguyễn Thị H đứng tên chủ sở hữu, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh (nuôi cá bè).

Theo Quy chế số 800/2010-QĐ-HĐQT ngày 14/12/2010 của Hội đồng quản trị VPBank, Phòng giao dịch Quận 10 hoạt động theo quy chế đặc thù, có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét giải quyết đối với một số hạng mục tín dụng của các phòng giao dịch cấp dưới, trong đó có Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật. Theo đó, nếu hồ sơ vay trên 2.000.000.000 đồng thì Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật phải chuyển hồ sơ đến Phòng giao dịch Quận 10 để Ban tín dụng xem xét, đề xuất Phòng Tái thẩm định, Giám đốc vùng quyết định. Thời điểm này, Nguyễn Trọng P là Phó Giám đốc Phòng giao dịch Quận 10, được phân công phụ trách bộ phận tín dụng, dịch vụ khách hàng, kho quỹ, đồng thời là thành viên của Ban tín dụng.

Trong quá trình gặp Nguyễn Hữu V, do không kiểm tra đối chiếu về giấy tờ tùy thân và tài sản dự kiến thế chấp nên P không phát hiện được việc V mạo danh Đoàn Thế D, vì vậy P đã giới thiệu V đến Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật làm hồ sơ. Nguyễn Trọng P đã liên hệ với Dương Vĩnh B - Giám đốc Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật để tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết hồ sơ vay của V theo thẩm quyền.

Theo giới thiệu của Nguyễn Trọng P, Dương Vĩnh B (trưởng phòng liên hệ với V và đến nhà số 49 đường 1107 Phạm Thế Hiển để thẩm tra về tài sản bảo đảm. Lúc này, Nguyễn Hữu V mạo danh là Đoàn Thế D tiếp đón ông B và đưa ông B bản photocopy các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Thông báo nộp lệ phí trước bạ, Thông báo nộp tiền sử dụng đất; Giấy chứng minh nhân dân, Hộ khẩu và Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đoàn Thế L và Nguyễn Thị H. Khi về Ngân hàng, ông Dương Vĩnh B giao bộ hồ sơ cho Liên Thanh S - Nhân viên tín dụng Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật để xác minh thông tin khách hàng, phương án vay vốn... Căn cứ vào hồ sơ do Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật cung cấp, Phòng định giá tài sản đảm bảo của VPBank xác định căn nhà có trị giá là 7.893.875.000 đồng.

Quá trình thẩm định phương án vay vốn, Dương Vĩnh B đề nghị giám đốc phòng giao dịch Quận 10 cử người cùng tham gia thẩm định phương án vay vốn, Phòng giao dịch Quận 10 đã phân công cho Nguyễn Trọng P cùng tham gia

cùng B và S đi Bến Tre thẩm định.

Ngày 18/6/2012, đại diện ngân hàng gồm Nguyễn Trọng P và hai cán bộ phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuận là Dương Vĩnh B và Liên Thanh S đến ấp Sơn Quy, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xác minh phương án vay vốn. Lúc này, Nguyễn Thị S mạo danh bà Nguyễn Thị H ra tiếp đón và dẫn mọi người đến xem bè nuôi cá của bà Nguyễn Thị T (chị ruột S) nói dối đây là bè nuôi cá của mình (bà H). Để chứng minh về việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của ngân hàng, V đã tìm gặp cha ruột là ông Nguyễn Hữu C nói dối V có người chị kết nghĩa tên Nguyễn Thị H cần mua thức ăn cá và nhờ ông Chính liên hệ với ông Trương Thanh P - Giám đốc Công ty TNHH Biofeed Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long để H ký kết hợp đồng mua thức ăn cho cá. Vì tin là thật, nên ông Trương Thanh P đã ký kết hợp đồng ngày 25/6/2012, về việc cung cấp thức ăn công nghiệp cho cá trị giá 6.000.000.000 đồng với Nguyễn Thị H. Để hợp thức hóa hồ sơ vay, theo yêu cầu của D và V, Nguyễn Thị S đã ký giả chữ ký bà Nguyễn Thị H ở mục "Người mua hàng" tại các hóa đơn GTGT để thể hiện việc giao dịch mua bán thức ăn công nghiệp giữa Công ty TNHH Biofeed và Phạm Quốc Hương (cháu Nguyễn Thị S) với bà H.

Do mức vay vượt thẩm quyền giải quyết của Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật nên ngày 26/6/2012 Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật chuyển hồ sơ lên Phòng giao dịch Quận 10 để xem xét, phê duyệt. Phòng giao dịch Quận 10 đã phân công cho Nguyễn Trọng P thẩm định hồ sơ vay (phương án vay vốn, sử dụng vốn vay...). Đào Minh T - Nhân viên quản lý hỗ trợ tín dụng Phòng giao dịch Quận 10 được giao nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay và thực hiện các thủ tục về đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng, giải ngân.

Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước về quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng, tại Điều 5, Điều 7, Điều 15, Điều 21 có quy định về điều kiện vay vốn, quyết định cho vay của Tổ chức tín dụng, quyền và nghĩa vụ của Tổ chức tín dụng. VPBank có Quyết định số 1504/2009/QĐ-TGD ngày 30/10/2009, quy định về quy trình nghiệp vụ tín dụng tạm thời, áp dụng tại các chi nhánh có Ban quản lý tín dụng, theo đó: *Nhân viên quản lý, hỗ trợ tín dụng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng, thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ, chân thực của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng; kiểm tra thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng, điều kiện cấp tín dụng (hạn mức, thời hạn, lãi suất, tài sản đảm bảo) theo đúng quy định của VPBank; thực hiện soạn thảo về biên bản định giá, hợp đồng thế chấp/cầm cố, đơn đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng tín dụng (phụ lục hợp đồng), khế ước nhận nợ và các văn bản khác với khách hàng và các bên liên quan căn cứ theo phê duyệt; đối với những hợp đồng ký kết giữa VPBank và khách hàng theo yêu cầu phải thực hiện ký kết tại Phòng công chứng thì thực hiện ký kết tại phòng*

công chứng, đối với trường hợp không thực hiện ký kết tại phòng công chứng thì được ký kết tại đơn vị kinh doanh trước sự giám sát của nhân viên hỗ trợ tín dụng...

Đồng thời, VPBank ban hành Quy định số 11/2012/QĐ-TG ngày 11/5/2012, quy định về quyền hạn và trách nhiệm của cá nhân tham gia quy trình xét duyệt tín dụng tập trung, theo đó: Nhân viên quản lý, hỗ trợ tín dụng có trách nhiệm đối chiếu bộ hồ sơ hợp đồng tín dụng và các giấy tờ liên quan phục vụ cho việc đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và giải ngân với quyết định phê duyệt tín dụng của cấp có thẩm quyền; chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ gốc tài sản đảm bảo trước khi giải ngân; có thẩm quyền đề xuất lãnh đạo đơn vị kinh doanh không cho khách hàng sử dụng các khoản cấp tín dụng đã được phê duyệt trong trường hợp phát hiện các giấy tờ liên quan đến tài sản đảm bảo, hợp đồng kinh tế, chứng từ giải ngân có dấu hiệu không trung thực, thiếu chính xác... Trong suốt quá trình tiếp nhận và thẩm định hồ sơ vay, Nguyễn Trọng P, Đào Minh T đã không thực hiện đúng các quy định trên, nên không phát hiện được Trương Văn Đ và Nguyễn Thị S mạo danh chủ sở hữu đứng tên vay tiền sau đó chiếm đoạt của VPbank số tiền 4.000.000.000 đồng, cụ thể:

Đối với Đào Minh T: T được phân công phụ trách tiếp nhận hồ sơ cấp tín dụng của Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật chuyển đến, có trách nhiệm kiểm tra các thủ tục vay vốn; tài sản thế chấp; lập bản thảo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Theo đó, Đào Minh T phải thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu người vay trên thực tế với giấy tờ tùy thân có trong hồ sơ thu thập. Trong quá trình thẩm định hồ sơ vay, Đào Minh T không tiếp xúc với người vay tại trụ sở Ngân hàng, không kiểm tra đối chiếu tài liệu trong hồ sơ tín dụng với giấy tờ tùy thân, giấy tờ về tài sản thế chấp trên thực tế trước khi cho người vay ký Hợp đồng tín dụng nguyên tắc, ký Hợp đồng thế chấp tài sản. Ngoài ra, T còn cho Nguyễn Thị S, ký không vào mẫu Phương án vay vốn, phiếu kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay. Đào Minh T để Nguyễn Thị S và Trương Văn Đ ký Hợp đồng song phương về thế chấp tài sản, Hợp đồng tín dụng chi tiết, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị vay vốn, Giấy đề nghị giải ngân tại quán cafe ngoài trụ sở trái quy định.

Đối với Nguyễn Trọng P: Với vai trò Lãnh đạo được phân công cùng tham gia xác minh, thẩm định hồ sơ vay với cán bộ tín dụng phòng giao dịch, Nguyễn Trọng P đã không chỉ đạo cấp dưới thực hiện đúng quy định về cho vay, kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, xác minh tại chính quyền địa phương khi thẩm định phương án vay vốn tại Bến Tre... nên không phát hiện được Nguyễn Thị S và Trương Văn Đ mạo danh chủ sở hữu tài sản là bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thế L đem thế chấp tài sản không phải của mình; không phát hiện được Nguyễn

Thị S chỉ bẻ nuôi cá của người khác để chứng minh phương án sử dụng vốn vay, ký các hợp đồng kinh tế giả mạo để hợp thức hóa hồ sơ vay. Là thành viên của Ban tín dụng - Phòng giao dịch Quận 10, P đã duyệt chấp thuận hồ sơ vay vốn giả mạo trên.

Để thực hiện việc công chứng tài sản đảm bảo, vào ngày 10/7/2012, Đào Minh T lập Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số NTT-12C010072/TC đối với căn nhà số 49 đường 1107 Phạm Thế Hiển, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh của bên vay là ông Đoàn Thế L và bà Nguyễn Thị H để bảo đảm cho khoản vay 4.000.000.000 đồng. Sau đó, Hợp đồng thế chấp (cùng bộ hồ sơ liên quan) được Đào Minh T chuyển cho Nguyễn Thị Ngọc L - Công chứng viên Phòng công chứng số 2 để chứng thực.

Theo quy định tại Điều 35, Điều 41 Luật Công chứng quy định về thủ tục công chứng các hợp đồng - giao dịch, theo đó trách nhiệm của Công chứng viên phải yêu cầu người công chứng xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan để đối chiếu; chứng kiến người yêu cầu công chứng ký vào văn bản công chứng, nhưng khi thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với tài sản thế chấp là căn nhà số 49 đường 1107 Phạm Thế Hiển, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Ngọc L đã không thực hiện đúng các quy định về công chứng, cụ thể:

Ngày 10/7/2012, Nguyễn Thị S và Trương Văn Đ đã mạo danh, đóng giả là ông Đoàn Thế L, bà Nguyễn Thị H cùng Đào Minh T đến Phòng Công chứng số 2 thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm. Quá trình công chứng Nguyễn Thị Ngọc L không kiểm tra, đối chiếu nhân thân hình ảnh của chủ sở hữu tài sản (người trong Hộ chiếu) với người đến yêu cầu công chứng; không đối chiếu chữ ký trong hộ chiếu của chủ sở hữu với chữ ký tại các văn bản trong hồ sơ công chứng, do đó Nguyễn Thị Ngọc L đã không phát hiện việc Trương Văn Đ và Nguyễn Thị S giả mạo chủ tài sản là ông Đoàn Thế L - bà Nguyễn Thị H nên đã ký chứng nhận công chứng số 020895 ngày 10/7/2012 đối với Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm trên.

Sau khi thực hiện thủ tục công chứng đối với tài sản thế chấp, ngày 10/7/2012 ông Nguyễn Hoàng B (Giám đốc phòng giao dịch Quận 10) ký Hợp đồng tín dụng số NTT-12C010072A cho ông Đoàn Thế L và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 4.000.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; tài sản thế chấp là căn nhà số 49 đường 1107 Phạm Thế Hiển, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/7/2012, Phòng giao dịch Quận 10 giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng cho bên vay. Theo quy định của ngân hàng, tiền vay phải được chuyển vào tài khoản của đơn vị sử dụng vốn vay là Công ty TNHH BIOFEED, do đó Nguyễn Thị S đã mạo danh Nguyễn Thị H mở tài khoản tại Phòng giao dịch

Quận 10 và lập ủy nhiệm chi để chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH BIOFEED do ông Trương Thanh P làm chủ tài khoản (tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Vĩnh Long). Sau đó, ông Trương Thanh P đã chuyển trả lại số tiền 3.998.900.000 đồng cho Nguyễn Hữu V (ngân hàng trừ 1.100.000đ phí chuyển khoản). Để Ngân hàng không phát hiện, mỗi tháng khi đến kỳ hạn trả lãi Nguyễn Hữu V đều lấy danh nghĩa Đoàn Thế D trả lãi khoản vay trên, tính đến ngày 05/10/2013 V đã trả VPBank - Chi nhánh Sài Gòn số tiền lãi là 626.354.158 đồng. Đối với số tiền 3.998.900.000 đồng, V khai đưa cho Đoàn Thế D 1.589.900.000 đồng, trả tiền công cho Nguyễn Thị S là 409.000.000 đồng. Còn lại 2.000.000.000 đồng, V giữ lại và sử dụng như sau: Đưa cho ông Trương Thanh P 35.738.719 đồng tiền thuế VAT của 03 hóa đơn GTGT, trả lãi ngân hàng 626.354.158 đồng, V chiếm hưởng 1.337.907.123 đồng.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2016/HSST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng P và Đào Minh T phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

1/ Áp dụng khoản 3 Điều 179; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng P 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2/ Áp dụng khoản 3 Điều 179; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Minh T 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt từ 07 năm tù đến 03 năm tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/7/2016, bị cáo Nguyễn Trọng P kháng cáo kêu oan.

Ngày 19/7/2016, bị cáo Đào Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/7/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 23/KNPT-P3 đề nghị không áp dụng khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo P, T.

Tại Bản án số 443/2017/HS-PT ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Trọng P và bị cáo Đào Minh T.

Tại Quyết định số 08/2019/HS-GĐT ngày 15/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 443/2017/HS-PT ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Trọng P và Đào Minh T để xét xử phúc thẩm lại với nhận định: Mức án cấp sơ thẩm và phúc thẩm xử phạt P và T là quá nghiêm khắc, không công bằng so với mức hình phạt các bị cáo phạm tội lừa đảo trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, P và T thay đổi yêu cầu kháng cáo, hai bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

** Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo T với trách nhiệm của mình đã không thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng, cho khách hàng ký khống hồ sơ vay vốn ngoài trụ sở ngân hàng. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Đề nghị không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt đối với P và T.

** Luật sư Dung bào chữa cho bị cáo T trình bày:* Về tội danh Luật sư đồng ý với án sơ thẩm. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của T trong vụ án. Các bị cáo trong nhóm tội lừa đảo đã cấu kết tinh vi nên nhân viên ngân hàng không phát hiện được. Bị cáo T khi tiếp nhận hồ sơ vay vốn của Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật thì nhân viên phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật đã tiếp xúc khách hàng nên T chủ quan, tin tưởng hồ sơ Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật chuyển lên, không đối chiếu tài liệu trong hồ sơ. Hành vi của bị cáo T là thiếu trách nhiệm, mức án so với nhóm lừa đảo là quá nặng, bị cáo chỉ là nhân viên hỗ trợ khách hàng, bị cáo do chủ quan nên không kiểm tra giấy tờ tùy thân của khách hàng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Không tư lợi, thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già, vợ bỏ đi để lại con nhỏ cho bị cáo nuôi, gia đình có công với cách mạng, cơ quan thi hành án cũng đã kê biên nhiều tài sản của nhóm bị cáo lừa đảo nên có thể thu hồi được tài sản, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị giảm án cho bị cáo và cho bị cáo T được hưởng án treo.

* Bị cáo T đồng ý với Luật sư, bị cáo cho rằng mình thiếu trách nhiệm nên không đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng, bị cáo không tư lợi, gia đình khó khăn.

** Luật sư Bun bào chữa cho bị cáo P trình bày:* Cấp sơ thẩm nhận định P lúc đầu tiếp xúc với V nhưng không kiểm tra giấy tờ là nhận định chưa phù hợp. Theo quy trình tín dụng thì Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật mới có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng, khi P gặp V thì V chỉ hỏi về thủ tục vay tiền, P chỉ là người giới thiệu V đến Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật, P không có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ khách hàng nên không có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ của khách hàng. Việc P tham gia kiểm tra thực tế phương án vay vốn của khách hàng tại Bến Tre chỉ là hỗ trợ Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật, Ngân hàng cũng không có quy trình xác minh phương án vay vốn. Việc không kiểm tra giấy tờ tùy thân của khách hàng là trách nhiệm của Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật, quá trình giải ngân thì bộ phận giải ngân không kiểm tra giấy tờ khi bị cáo S mở tài khoản, trách nhiệm này không phải của P, P chỉ tham gia khâu rất nhỏ trong quy trình cho vay, không phải là người quyết định cho vay. Bị cáo P thuộc trường hợp gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, từ khi phạm tội đến nay đã nhiều năm bị cáo đều chấp hành pháp luật tốt, đề nghị giảm án cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

** Bị cáo P đồng ý với Luật sư. Bị cáo cho rằng hồ sơ do Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật chuyển lên và do nhân viên hỗ trợ khách hàng của phòng giao dịch Quận 10 đã kiểm tra, đối chiếu giấy tờ của khách hàng nên bị cáo tin tưởng, việc bị cáo đi kiểm tra phương án vay vốn tại Bến Tre chỉ là phối hợp với Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật, bị cáo không tư lợi.*

** Đại diện Ngân hàng VPBank vắng mặt và có ý kiến tại văn bản số 56241/2020/VPBN ngày 04/12/2020 như sau:*

Trong quá trình thi hành án, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển cho VPBank thu nợ toàn bộ số tiền 35.738.719 đồng do ông Trương Thanh P đã giao nộp và 737.907.123 đồng gia đình Nguyễn Hữu V đã nộp. Ngày 13/6/2018, gia đình Nguyễn Hữu V đã nộp thay số tiền 606.776.210 đồng tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Cục Thi hành án đã chuyển cho VPBank thu nợ số tiền 608.834.342 đồng (trong đó số tiền gốc là 606.776.210 đồng + lãi 2.058.100 đồng). Gia đình ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị S đã nộp thay số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (là Cơ quan nhận ủy thác thi hành án từ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), Cơ quan Thi hành án đã chuyển cho VPBank thu nợ. Như vậy, sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và có bản án số 443/2017/HS-PT ngày 17/8/2017, VPBank đã thu được tổng số tiền 1.432.480.184 đồng.

Theo Quyết định Thi hành án số 87/QĐ-CCTHADS ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; số tiền còn phải bồi

thường/ thi hành án của các ông bà Nguyễn Hữu V, Nguyễn Thị S, Trương Văn Đ, Phạm Quốc H và Nguyễn Công B như sau:

- Buộc Nguyễn Hữu V phải bồi thường cho VPBank số tiền là 735.849.023 đồng.

- Buộc Nguyễn Thị S phải bồi thường cho VPBank số tiền là 475.000.000 đồng.

- Buộc Trương Văn Đ phải bồi thường cho VPBank số tiền là 475.000.000 đồng.

- Buộc bà Phạm Quốc H và ông Nguyễn Công B phải nộp lại số tiền 409.000.000 đồng để hoàn trả cho VPBank.

Đồng thời, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã xác minh và ngăn chặn những tài sản sau để đảm bảo việc bồi thường/ thi hành án:

- Nhà đất tại địa chỉ ấp Sơn Qui, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.225,5 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm 1.925,5 m² đất ở tại đô thị 300 m² theo GCN QSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS02600 do Sở TN-MT tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/9/2017 do ông Trương Văn Đ đứng tên sở hữu/ sử dụng.

- Nhà đất tại địa chỉ khu phố 2, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 28, diện tích 203,6 m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị theo GCN QSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01021 do UBND huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/9/2017 do bà Nguyễn Thị S đứng tên sở hữu/ sử dụng.

- Nhà đất tại địa chỉ ấp Sơn Qui, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thuộc thửa đất số 229, tờ bản đồ số 20, diện tích sử dụng còn lại 266,8m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm theo GCN QSDĐ số vào sổ H02574 UBND huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/9/2017 do bà Phạm Quốc Hương và ông Nguyễn Công B đứng tên sở hữu/ sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng cho rằng bị cáo chỉ cùng tham gia thẩm định hồ sơ vay do cấp dưới chuyển lên, tin tưởng cấp dưới nên không kiểm tra tích xác thực của các tài liệu trong hồ sơ vay. Căn cứ

lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Nguyễn Trọng P là Phó giám đốc phòng giao dịch Quận 10 thuộc VPBank - Chi nhánh Sài Gòn, thành viên ban tín dụng, được phân công phụ trách bộ phận tín dụng, dịch vụ khách hàng, kho quỹ, tham gia Ban tín dụng, có trách nhiệm: Kiểm soát việc thẩm định hồ sơ khách hàng của đơn vị kinh doanh do mình quản lý theo đúng quy định; kiểm soát thông tin khách hàng, bảo đảm hồ sơ khách hàng cung cấp đầy đủ, chính xác, thống nhất khi chuyển lên CPC (Trung tâm xử lý tín dụng tập trung) theo quy định tại Điều 5, 6 Quy trình xét duyệt tín dụng tập trung số 11/2012/QĐi-TGD của Tổng giám đốc VPBank, tham gia Ban tín dụng xét duyệt hồ sơ vay vốn do đơn vị cấp dưới chuyển lên trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đào Minh T là nhân viên quản lý, hỗ trợ tín dụng (nhân viên C/A) của Phòng giao dịch Quận 10, có nhiệm vụ kiểm tra tính đầy đủ và phù hợp của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng do cán bộ, nhân viên quan hệ khách hàng (nhân viên AO) cung cấp, chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ gốc, tài sản bảo đảm trước khi giải ngân, thực hiện các thủ tục về đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng, giải ngân theo quy định tại Điều 7 Quy trình xét duyệt tín dụng tập trung số 11/2012/QĐi-TGD của Tổng giám đốc VPBank; tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng, thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ, chân thực của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng theo quy định tại Quyết định số 1504/2009/QĐ-TGD ngày 30/10/2009 của VPBank.

[2]- Quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo không thực hiện đúng các quy định về cho vay của VPBank, cụ thể:

Đối với bị cáo Đào Minh T: Bị cáo T với nhiệm vụ là nhân viên hỗ trợ tín dụng, khi tiếp nhận hồ sơ đã không kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân với người vay trên thực tế, không kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay và thực hiện thủ tục về giao dịch bảo đảm, công chứng, giải ngân nên không phát hiện ra S và Đ mạo danh bà H, ông L, không tiếp xúc với người vay tại trụ sở ngân hàng mà tiếp xúc cho người vay ký hồ sơ tại quán cà phê, không kiểm tra đối chiếu tài liệu trong hồ sơ tín dụng với giấy tờ tùy thân, giấy tờ về tài sản thế chấp trước khi cho người vay ký hợp đồng tín dụng nguyên tắc, hợp đồng thế chấp tài sản, cho Nguyễn Thị S và Trương Văn Đ ký khống vào mẫu phương án vay vốn và phiếu kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay, cho S và Đ ký hợp đồng song phương về thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng chi tiết, khế ước nhận nợ... ngoài trụ sở ngân hàng trái quy định.

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo T phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là có căn cứ.

Đối với bị cáo P: Bị cáo với vai trò là lãnh đạo phụ trách phòng tín dụng, khách hàng, thành viên Ban tín dụng, được được phòng giao dịch Quận 10 phân công cùng phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật tham gia xác minh, thẩm định hồ sơ vay đứng tên bà H, ông L. Khi thẩm định hồ sơ vay do cấp dưới chuyển lên, bị cáo không đối chiếu giấy tờ tùy thân của người vay, không xác minh tại chính quyền địa phương việc kinh doanh bè cá của người vay khi đi thẩm định thực tế phương án vay tại Bến Tre cùng Dương Vĩnh B và Liêng Thanh S (là nhân viên phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật) dẫn đến không phát hiện ra bị cáo S mạo danh bà H chỉ bè nuôi cá của người khác, không sát sao chỉ đạo bị cáo T kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân và các giấy tờ khác trong hồ sơ vay dẫn đến không phát hiện được các bị cáo Nguyễn Hữu V, Trương Văn Đ và Nguyễn Thị S mạo danh chủ sở hữu tài sản, thế chấp tài sản không thuộc sở hữu của mình, lừa đảo chiếm đoạt 04 tỷ đồng (trước khi khởi tố vụ án chỉ còn nợ ngân hàng 3.373.645.842đ).

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo P phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là có căn cứ.

[3]- Về xác định số tiền các bị cáo T và P thuộc nhóm ngân hàng phải chịu trách nhiệm trong vụ án: Theo Cáo trạng quy kết các bị cáo nhóm lừa đảo (V, S, Đ) chiếm đoạt 04 tỷ đồng của ngân hàng. Như vậy, số tiền chiếm đoạt được xác định là tiền gốc, không tính tiền lãi. Trước khi khởi tố vụ án, V đã trả được 626.354.158đ tiền lãi nên số tiền này được trừ vào tiền gốc để xác định số tiền nhóm lừa đảo chiếm đoạt là 3.373.645.842đ. Quá trình điều tra, trước khi xét xử sơ thẩm gia đình V nộp khắc phục một phần hậu quả thiệt hại. Án sơ thẩm kết luận và buộc các bị cáo nhóm lừa đảo (V, S, Đ) còn phải bồi thường 2.344.683.333đ. Đây là số tiền thiệt hại thực tế được xác định có liên quan đến trách nhiệm của các bị cáo P và T.

Hành vi của T, P không phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại (như Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC đã kết luận) nên thiệt hại để xem xét trách nhiệm hình sự của T và P phải là thiệt hại thực tế cho ngân hàng đến trước khi xét xử sơ thẩm (Tháng 3/2016 khởi tố bổ sung đối với nhóm bị cáo T, P) là 2.344.683.333đ. Việc xác định thiệt hại của nhóm bị cáo ngân hàng là T và P giống như các bị cáo nhóm lừa đảo là không hợp lý, không đúng bản chất vụ án, gây bất lợi cho các bị cáo.

Căn cứ khoản 48 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 quy định tên Điều 179 của Bộ luật hình sự 2009, sửa đổi bổ sung năm 2013 là “*Tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” được đổi thành Điều 206 và tên điều luật là “*Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*” và căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 về

việc Thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 áp dụng quy định có lợi cho bị cáo, nên xét xử các bị cáo P, T về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” theo khoản 3 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp, đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo này.

[4]- Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát về áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với các bị cáo P và T thì thấy:

Trong vụ án, ngân hàng bị thiệt hại là do các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trực tiếp gây ra, bị cáo T do thiếu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ vay vốn, không phát hiện ra hành vi lừa đảo nên phạm tội. Bị cáo P thiếu trách nhiệm trong việc đôn đốc cán bộ cấp dưới, không xác minh tại chính quyền địa phương ở Bến Tre khi cùng cán bộ Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật đi xác minh phương án vay vốn là “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”, nên hai bị cáo chỉ gián tiếp gây thiệt hại cho ngân hàng. Việc cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo P 06 năm tù, T 07 năm tù là quá nghiêm khắc và không công bằng so với các bị cáo khác trong vụ án phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bị cáo V, S, Đ đều bị phạt mức án 07 năm tù). Vì vậy, Kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với hai bị cáo này và ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay yêu cầu giữ nguyên mức hình phạt của 2 bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo T và bị cáo P:

[5]- Đối với bị cáo T: Bị cáo T với vai trò là người tiếp nhận hồ sơ vay vốn, trực tiếp tiếp xúc với khách hàng, thực hiện thủ tục về giao dịch bảo đảm, thực hiện thủ tục đưa khách hàng đi công chứng hợp đồng thế chấp, giải ngân nên phải chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân và các tài liệu trong hồ sơ vay vốn với khách hàng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp tín dụng nhưng T không thực hiện đúng nhiệm vụ của mình. Do thiếu trách nhiệm nên bị cáo T không đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng nên không phát hiện được hành vi lừa đảo của bị cáo S và Đ. Bị cáo còn cho người vay ký khống vào mẫu phương án vay vốn, phiếu kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay, cho người vay ký hợp đồng song phương về thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng chi tiết, khế ước nhận nợ, giấy đề nghị vay vốn và giấy đề nghị giải ngân ngoài trụ sở ngân hàng, khi ký các giấy tờ này bị cáo không đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, gián tiếp gây ra thiệt hại, gia đình có công với cách mạng, có cha được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, có ông nội và các chú ruột là người có công được tặng thưởng huân huy chương (tình tiết này mới, chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm), bị cáo có nhân thân tốt, từ khi phạm tội đến nay luôn chấp hành pháp luật tại địa phương cư trú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo, bảo đảm công bằng với các bị cáo khác trong vụ án. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo.

[6]- Đối với bị cáo P: Bị cáo P với vai trò vừa là lãnh đạo, vừa là người được phân công thẩm định hồ sơ vay vốn và được phân công cùng Phòng giao dịch Nguyễn Thiện Thuật thẩm định thực tế phương án vay tại Bến Tre, nhưng bị cáo thiếu trách nhiệm, không đôn đốc, kiểm tra cấp dưới, không phát hiện được hành vi lừa đảo của các bị cáo khác trong vụ án.

Tuy nhiên, bị cáo chỉ là một cấp trung gian trong quy trình thẩm định hồ sơ do cấp dưới chuyển lên, không có trách nhiệm trực tiếp nhận hồ sơ từ bị cáo V, S, Đ nên không đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng, việc đối chiếu giấy tờ tùy thân của khách hàng theo quy trình là do cấp dưới thực hiện, bị cáo tin tưởng vào cấp dưới dẫn đến sai phạm, bị cáo chỉ gián tiếp gây ra thiệt hại. Do vậy, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không cao bằng bị cáo T.

Mặt khác, theo văn bản số 56241/2020/VPB PN ngày 04/12/2020 của VPBank thì ngày 13/6/2018 Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh đã thu được của các bị cáo nhóm lừa đảo là 658.000.000đ. Chi cục thi hành án huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã ngăn chặn 3 thửa đất tại thị trấn Chợ Lách của người phải thi hành án để bảo đảm thi hành án: Một thửa diện tích 2.225,5m² trong đó có 300m² thổ cư; một thửa 203m² đất ở đô thị; một thửa 266m² đất nông nghiệp. Như vậy, cho đến nay có thể khắc phục được cơ bản thiệt hại cho ngân hàng.

Bị cáo P tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, có thái độ thực sự ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, có nhân thân tốt, từ khi phạm tội đến nay luôn chấp hành pháp luật tại địa phương cư trú, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội nêu trên nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, giảm một phần hình phạt cho bị cáo P, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với hai bị cáo P và T là quá nghiêm khắc, chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nguyên

nhân gây thiệt hại và không công bằng với các bị cáo khác trong vụ án nên sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

[7] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đào Minh T và Nguyễn Trọng phương; Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa một phần quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số: 249/2016/HSST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với Nguyễn Trọng P và Đào Minh T như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng P và Đào Minh T phạm tội “*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*”

1/ Áp dụng khoản 3 Điều 206, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng P 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đào Minh T 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo tại ngoại;
- Nguyên đơn dân sự;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 22bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng